

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDDĐT- KHTC

Hà Nam, ngày tháng 4 năm 2023

V/v đề nghị đăng tải dự thảo
Nghị quyết: Sửa đổi, bổ sung một số nội
dung khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số
09/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4
năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
Hà Nam quy định mức thu các khoản thu
dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo
dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục
công lập của tỉnh Hà Nam

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Nam.

Thực hiện Thực hiện Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2023, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thực hiện xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết: Sửa đổi, bổ sung một số nội dung khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Hà Nam.

Thực hiện Điều 120 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nam đề nghị Quý Sở phối hợp thực hiện đăng tải dự thảo Nghị quyết: Sửa đổi, bổ sung một số nội dung khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Hà Nam trên cổng thông tin điện tử tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết: *(Có dự thảo Nghị quyết gửi kèm theo văn bản)*.

Địa chỉ Email tiếp nhận ý kiến góp ý: vanphong.sohanam@moet.edu.vn và phongkhtc.sohanam@moet.edu.vn

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Văn phòng Sở ;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Tuấn

Số: /2023/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày tháng 7 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Hà Nam

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Ngân sách ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh Hà Nam; ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy

định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Hà Nam như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa	Đối tượng áp dụng
I	Các khoản thu quy định mức trần			
1	Dịch vụ vệ sinh	Học sinh/tháng	25.000	Trẻ em Mầm non; học sinh Tiểu học, THCS, THPT và GDTX
2	Tiền ăn bán trú (không bao gồm chất đốt, điện và nước sinh hoạt)	Học sinh/ngày	25.000	Trẻ em Mầm non; học sinh Tiểu học và THCS
3	Dịch vụ thuê người nấu ăn bán trú	Học sinh/tháng	100.000	Trẻ em Mầm non; học sinh Tiểu học và THCS
5	Dịch vụ quản lý, chăm sóc trẻ, học sinh buổi trưa (trực trưa)	Học sinh/ngày	5.000	Trẻ em Mầm non; học sinh Tiểu học và THCS
7	Dịch vụ trông giữ xe			
	- Xe đạp	Học sinh/tháng	10.000	Học sinh Tiểu học, THCS, THPT và GDTX
	- Xe điện, xe máy	Học sinh/tháng	15.000	
8	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân phục vụ nuôi ăn bán trú			
	- Học sinh tuyển mới lần đầu	Học sinh/lần	300.000	Trẻ em Mầm non; Học sinh Tiểu học và THCS
	- Thu bổ sung, thay thế hàng năm	Học sinh/năm	100.000	
10	Dịch vụ dạy thêm các môn văn hóa (kể cả dạy trực tuyến) đối với THCS, THPT, GDTX; học buổi 2 đối với trường tiểu học (khi			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa	Đối tượng áp dụng
	chưa bố trí đủ giáo viên theo quy định)			
	- Dạy học buổi 2			
	+ Khu vực nông thôn (các trường thuộc xã)	Học sinh/tiết	6.000	Học sinh Tiểu học
	+ Khu vực thành thị (các trường thuộc thị trấn, phường)	Học sinh/tiết	7.000	Học sinh Tiểu học
	- Dạy thêm các môn văn hóa với THCS			
	+ Khu vực nông thôn (các trường thuộc xã)	Học sinh/tiết	7.000	Học sinh THCS
	+ Khu vực thành thị (các trường thuộc thị trấn, phường)	Học sinh/tiết	8.000	
	- Dạy thêm các môn văn hóa với THPT, GDTX			
	+ Khu vực nông thôn (các trường nằm trên xã)	Học sinh/tiết	9.000	Học sinh THPT, GDTX
	+ Khu vực thành thị (các trường nằm trên thị trấn, phường)	Học sinh/tiết	11.000	
11	Tiền Văn phòng phẩm, in đề, giấy thi, giấy nháp cho các lần kiểm tra tập trung, khảo sát chất lượng đánh giá học sinh (không chi trả tiền công coi, chấm)	Học sinh/năm	120.000	Học sinh Tiểu học, THCS, THPT và GDTX
14	Hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ	Học sinh/tiết	10.000	Học sinh Tiểu học, THCS, THPT và GDTX
II	Các khoản thu không quy định mức trần			
	Tiền điện điều hòa, bình nóng lạnh tại các	Học sinh/tháng hoặc học	Thu theo thực tế,	Trẻ em Mầm non; Học sinh Tiểu học,

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu tối đa	Đối tượng áp dụng
	lớp học; tiền chất đốt, tiền điện và nước sinh hoạt phục vụ bán trú, nội trú; dịch vụ đưa đón học sinh; hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường; tiền mua phôi liệu học nghề, tiền thi chứng chỉ nghề theo Chương trình giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thi thử.	sinh/lần	nhu cầu	THCS, THPT và GDTX

Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XIX, kỳ họp thứ mười ... (kỳ họp thường lệ giữa năm 2023) thông qua ngày ... tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; GD&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các Tổ, ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính; GD và ĐT; Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thủy